VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

(Tiếp theo Công báo số 441 + 442)

Phụ lục IV

MẪU BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán cổ phiếu này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán

BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Tên của công ty đầu tư chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán ra công chúng:

2. Loại hình công ty đầu tư chứng khoán:

3. Ngày đăng ký Bản cáo bạch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

4. Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch:

5. Tiêu đề của Bản cáo bạch:

6. Thông cáo nội dung sau:

"C*ông ty đầu tư chứng khoán... được mô tả trong bản cáo bạch này là công ty đầu tư chứng khoán được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày...*

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ, số điện thoại của người phụ trách công bố thông tin:

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh công ty, Website...):

CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN:.....

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số.....
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày...)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH:
(*hoặc* TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH)

Công ty:.....

Công ty:.....

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH *(nếu có):*

Công ty:.....

Công ty:.....

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:... từ ngày:...

MỤC LỤC

Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán
Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch
Các khái niệm
Tình hình và đặc điểm của công ty đầu tư chứng khoán
Thông tin tóm tắt về công ty quản lý quỹ
Thông tin về ngân hàng giám sát
Cổ phiếu chào bán
Mục đích chào bán
Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán
Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

PHỤ LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

Ông/Bà:..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên

Ông/Bà:..... Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giám đốc)

Ông/Bà:..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

Ông/Bà:..... Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:..... Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do *(tên công ty quản lý quỹ)* lập sau khi có xác nhận của *(tên ngân hàng giám sát)*. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do *(tên các tổ chức có liên quan*) cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

(Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong Bản cáo bạch cần phải định nghĩa)

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

Thời hạn hoạt động (nếu có):

Vốn điều lệ:

Cổ đông/thành viên góp vốn/chủ sở hữu công ty quản lý quỹ:

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên góp vốn khi thành lập;

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên góp vốn từ 5% trở lên vốn điều lệ;

- Giới thiệu về Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Ban điều hành công ty quản lý quỹ (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Hội đồng đầu tư (thông tin tóm tắt các thành viên)

Kinh nghiệm quản lý tài sản của công ty quản lý quỹ.

Kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực của nhân viên công ty quản lý quỹ đảm nhiệm vị trí người điều hành quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

- Tổng hợp tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ (kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...) 05 năm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào Bản cáo bạch;

- Các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý (nêu chi tiết danh sách);

- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai;

- Trong Bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý quá khứ cũng như hiện tại của công ty quản lý

quỹ, tình hình hoạt động quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do công ty quản lý quỹ đang quản lý.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập và hoạt động số:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

Kinh nghiệm nhân viên được phân công giám sát hoạt động quản lý tài sản của quỹ dự kiến thành lập; bộ phận lưu ký tài sản cho quỹ dự kiến thành lập.

VI. TỔ CHỨC QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN (áp dụng đối với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

Kinh nghiệm của tổ chức quản lý bất động sản trong việc quản lý, vận hành và khai thác bất động sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán.

VII. DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ (áp dụng đối với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

Kinh nghiệm của công ty trong hoạt động định giá giá trị bất động sản.

VIII. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Tên công ty:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời hạn hoạt động (nếu có):

IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU

Danh sách các đại lý phân phối cổ phiếu được lựa chọn bao gồm:

Tên đại lý phân phối:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối:

Các địa điểm phân phối cổ phiếu:

X. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tổ chức được ủy quyền:

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Thời gian hoạt động:

- Lĩnh vực hoạt động chính:

- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền (liệt kê những điều khoản trong hợp đồng)

- Chi phí phải thanh toán..... hình thức thanh toán

XI. CÁC THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Thông tin chung về công ty đầu tư chứng khoán

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của công ty đầu tư chứng khoán

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

1.3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của công ty đầu tư (nếu có).

2. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của công ty đầu tư chứng khoán

2.1. Mục tiêu đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán

2.2. Chiến lược đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán

2.3. Phương pháp và quy trình đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán

2.4. Hạn chế đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán

2.5. Các rủi ro khi đầu tư vào công ty đầu tư chứng khoán

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lạm phát

- Rủi ro thanh khoản

- Rủi ro pháp lý

- Rủi ro tín nhiệm

- Rủi ro xung đột lợi ích

- Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà công ty đầu tư chứng khoán dự kiến đầu tư)

- Rủi ro cá biệt

- Rủi ro khác

3. Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán trong đợt chào bán lần đầu và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cập nhật trong các lần công bố Bản cáo bạch tiếp theo (nếu thay đổi)

Tóm tắt Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán với các thông tin chính sau đây:

3.1. Các điều khoản chung

3.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

- Mục tiêu đầu tư

- Chiến lược đầu tư

- Tài sản được phép đầu tư

- Cơ cấu đầu tư

- Các hạn chế đầu tư

- Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- Phương pháp lựa chọn đầu tư

- Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

3.3. Đặc trưng của công ty đầu tư chứng khoán

- Cổ đông

- Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- Sổ đăng ký cổ đông

- Quyền biểu quyết của cổ đông

- Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể công ty đầu tư chứng khoán và quyền của cổ đông, trong trường hợp thanh lý, giải thể công ty đầu tư chứng khoán

3.4. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà công ty đầu tư chứng khoán phải trả

- Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ giám sát

- Giá dịch vụ quản lý bất động sản (đối với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)

- Giá dịch vụ định giá bất động sản (đối với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)

- Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật

- Các loại giá dịch vụ, chi phí hạch toán vào công ty đầu tư chứng khoán; các loại giá dịch vụ, chi phí mà cổ đông phải thanh toán

3.5. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của công ty đầu tư chứng khoán

- Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với công ty đầu tư chứng khoán, thuế thu nhập đối với cổ đông (hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn hoặc cổ đông tự thanh toán)

3.6. Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

- Quyền hạn và nhiệm vụ đại hội đồng cổ đông

- Thể thức tiến hành đại hội đồng cổ đông
- Quyết định của đại hội đồng cổ đông

3.7. Hội đồng quản trị

- Tổ chức Hội đồng quản trị (danh sách)
- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Thủ tục điều hành của chủ tịch Hội đồng quản trị
- Đình chỉ và miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- Người đại diện cho thành viên Hội đồng quản trị
- Biên bản họp Hội đồng quản trị

3.8. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ
- Trách nhiệm và quyền hạn của công ty quản lý quỹ
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty quản lý quỹ
- Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

3.9. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát
- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát

3.10. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

4. Các thông tin đầu tư khác

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý

2. Phương án phát hành lần đầu

- Tên công ty đầu tư chứng khoán:
- Thời hạn của công ty đầu tư chứng khoán:

- Mục tiêu/chiến lược đầu tư:

- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:

- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:

- Cơ cấu đầu tư:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán (hoặc số lượng cổ phiếu tối đa và tối thiểu dự kiến chào bán):

- Thời hạn phát hành trong lần phát hành lần đầu, gia hạn thời hạn phát hành cổ phiếu:

- Mệnh giá:

- Giá phát hành:

- Số lượng đăng ký tối thiểu:

- Phương thức phân bổ cổ phiếu lần đầu:

- Giá dịch vụ phát hành lần đầu (x%):

- Thời hạn xác nhận giao dịch của cổ đông:

- Phương thức và hình thức thanh toán:

- Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu:

- Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối:

- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

3.1. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

3.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

3.3. Công bố giá trị tài sản ròng

4. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào công ty đầu tư chứng khoán

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hằng năm)

2. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

2.1. Giá dịch vụ phát hành lần đầu

2.2. Giá dịch vụ quản lý công ty đầu tư chứng khoán

2.3. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

2.4. Giá dịch vụ quản lý bất động sản (đối với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)

2.5. Các loại giá dịch vụ khác (giá dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, định giá...)

2.6. Các thông tin khác

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán

3.2. Tốc độ vòng quay danh mục của công ty đầu tư chứng khoán

4. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của công ty đầu tư chứng khoán

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của công ty đầu tư chứng khoán; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của công ty đầu tư chứng khoán cho các cổ đông.

5. Dự báo kết quả hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán

Trong bản cáo bạch có thể đưa ra các dự báo, ước đoán về tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, các xu hướng phát triển kinh tế... nhưng phải nêu rõ các dự báo, ước đoán trên không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của quỹ. Bản cáo bạch phải nêu rõ các căn cứ để đưa ra các dự báo trên.

6. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

(Nêu ra nguyên tắc trong việc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra)

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CỔ ĐÔNG, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Nêu rõ nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng, quý, năm cho cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CỔ ĐÔNG

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các cổ đông có thể tiếp xúc với công ty quản lý quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến công ty đầu tư chứng khoán.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký mua cổ phiếu

2. Phiếu đăng ký mua

3. Địa chỉ các nơi Bản cáo bạch được cung cấp

4. Các phụ lục khác *(nếu có)*

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (NẾU CÓ)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục V

MẪU BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA QUỸ...

1. Tên, loại hình quỹ; tóm tắt mục tiêu, chiến lược, chính sách đầu tư, thời hạn hoạt động (nếu có) của quỹ, loại hình nhà đầu tư là đối tượng chào bán của quỹ.

2. Thông tin về công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, danh sách đại lý phân phối, các tổ chức được ủy quyền (nếu có) và danh sách thành viên Ban đại diện quỹ.

3. Kết quả hoạt động đầu tư của quỹ trước đó (nếu có), kèm theo khuyến cáo về việc kết quả hoạt động đầu tư trước đó chỉ mang tính tham khảo, và việc đầu tư vào Quỹ không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời hoặc bảo đảm khả năng thu hồi vốn.

4. Thông tin cơ bản hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ bao gồm các vấn đề liên quan tới quy trình phát hành thêm, mua lại, chuyển đổi chứng chỉ quỹ; mua lại một phần chứng chỉ quỹ và tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; giá dịch vụ phát hành (nếu có); giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ (nếu có); giá dịch vụ chuyển đổi quỹ (nếu có).

5. Các khoản thuế, giá dịch vụ mà quỹ phải thanh toán; các khoản thuế, giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải thanh toán.

6. Thông tin cơ bản về hình thức, phương thức, lộ trình, thời điểm phân phối lợi nhuận quỹ.

7. Thông tin cơ bản về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ.

8. Chế độ công bố thông tin, hình thức cung cấp thông tin, tài liệu về quỹ cho nhà đầu tư; địa chỉ, thời gian và hình thức liên lạc để tìm hiểu thêm thông tin về quỹ.

Phụ lục VI
MẪU BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán cổ phiếu này này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán.

BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN...

1. Tên công ty đầu tư chứng khoán; quy mô vốn; tóm tắt mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, thời hạn hoạt động (nếu có) của công ty đầu tư chứng khoán.

2. Thông tin về công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, danh sách đại lý phân phối, các tổ chức được ủy quyền (nếu có) và danh sách thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán (nếu có).

3. Kết quả hoạt động đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán trước đó (nếu có), kèm theo khuyến cáo về việc kết quả hoạt động đầu tư trước đó chỉ mang tính tham khảo, và việc đầu tư vào công ty đầu tư chứng khoán không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời hoặc bảo đảm khả năng thu hồi vốn.

4. Phương án phát hành cổ phiếu, thông tin cơ bản hướng dẫn tham gia đầu tư vào công ty đầu tư chứng khoán.

5. Các khoản thuế, giá dịch vụ mà công ty đầu tư chứng khoán phải thanh toán; các khoản thuế, giá dịch vụ mà cổ đông phải thanh toán.

6. Thông tin cơ bản về hình thức, phương thức, lộ trình, thời điểm phân phối lợi nhuận công ty đầu tư chứng khoán.

7. Thông tin cơ bản về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào công ty đầu tư chứng khoán.

8. Chế độ công bố thông tin, hình thức cung cấp thông tin, tài liệu về công ty đầu tư chứng khoán cho cổ đông; địa chỉ, thời gian và hình thức liên lạc để tìm hiểu thêm thông tin về công ty đầu tư chứng khoán.

Phụ lục VII

THÔNG BÁO VỀ VIỆC PHÂN PHỐI LỢI TỨC/CỔ TỨC CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CỔ ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Tên quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán:

2. Tổng số chứng chỉ quỹ/cổ phiếu đang lưu hành:

3. Công ty quản lý quỹ:

- Tên công ty:

- Tên tiếng Anh:

- Số Giấy phép thành lập và hoạt động KDCK: Ngày cấp: Nơi cấp:

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Ngày cấp: Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

4. Ngân hàng giám sát:

- Tên ngân hàng:

- Tên tiếng Anh:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký: Ngày cấp: Nơi cấp:

- Điện thoại:Fax:

5. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ, lợi nhuận tích lũy, lợi nhuận giữ lại, lợi nhuận phân chia:

6. Thời điểm, phương thức, hình thức thanh toán.

7. Thông tin về nhà đầu tư/cổ đông

- Tên nhà đầu tư/cổ đông:

- Số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác/Số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ liên lạc:

8. Thông tin về mức thanh toán lợi tức/cổ tức cho nhà đầu tư/cổ đông:

- Số lượng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu của nhà đầu tư/cổ đông:

- Mức chi trả lợi tức/cổ tức..... (bằng tiền).... và/hoặc.... (bằng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu phát hành thêm) trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu.

- Tổng mức thanh toán..... (bằng tiền).... và/hoặc (bằng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu phát hành thêm) cho nhà đầu tư/cổ đông.

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN	**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục VIII

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP QUỸ THÀNH VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO

Về kết quả giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp quỹ thành viên

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên công ty quản lý quỹ:
2. Tên quỹ thành viên:
3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ:
4. Thời hạn hoạt động:

I. Danh sách thành viên góp vốn trước giao dịch chuyển nhượng

STT	Tên thành viên góp vốn	Thông tin về thành viên góp vốn		Số lượng phần vốn góp nắm giữ	Giá trị phần vốn góp nắm giữ (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
		Số Giấy chứng nhận ĐKDN (đối với tổ chức)	Số Giấy CMND/ CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân góp vốn, người đại diện phần vốn góp)			
1	Công ty A Đại diện phần vốn góp của công ty là Ông/bà: Chức vụ:					
2	Nguyễn Văn A					
...						
	Tổng					

II. Thông tin về giao dịch chuyển nhượng

STT	Bên chuyển nhượng				Giá trị chuyển nhượng (VND)	Bên nhận chuyển nhượng		Ngày hoàn tất giao dịch
	Tên thành viên góp vốn	Số Giấy chứng nhận ĐKDN/ Số Giấy CMND/ CCCD/Hộ chiếu	Số lượng phần vốn góp chuyển nhượng	Tỷ lệ nắm giữ/vốn điều lệ (%)		Tên viên góp vốn	Số Giấy chứng nhận ĐKDN/ Số Giấy CMND/ CCCD/Hộ chiếu	
1								
2								
...								

III. Danh sách thành viên góp vốn sau giao dịch chuyển nhượng

STT	Tên thành viên góp vốn	Thông tin về thành viên góp vốn		Số lượng phần vốn góp nắm giữ	Giá trị phần vốn góp nắm giữ (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
		Số Giấy chứng nhận ĐKDN (đối với tổ chức)	Số Giấy CMND/ CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân góp vốn, người đại diện phần vốn góp)			
1	Công ty A Đại diện phần vốn góp của công ty là Ông/bà: Chức vụ:					
2	Nguyễn Văn A					
...						
	Tổng					

Chúng tôi đã thẩm định, đảm bảo bên nhận chuyển nhượng là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:....

Hồ sơ gửi kèm:
(liệt kê đầy đủ)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục IX

BÁO CÁO GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN KHI GIẢI THỂ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng.... năm.....*

BÁO CÁO

Về giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán khi giải thể

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên công ty quản lý quỹ:
2. Tên ngân hàng lưu ký/giám sát:
3. Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:
4. Ngày lập báo cáo:

Đơn vị: VND

STT		Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Tại ngày giải thể	Giá trị tài sản đã phân phối	
						Trong kỳ	Lũy kế
A	A.1	NAV/01 chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán					
	A.2	Thay đổi NAV/01 chứng chỉ quỹ, 01 cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán do phân phối					

STT		Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Tại ngày giải thể	Giá trị tài sản đã phân phối	
						Trong kỳ	Lũy kế
	A.3	Thay đổi NAV/01 chứng chỉ quỹ, 01 cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán do thay đổi giá thị trường					
B	B.1	NAV quỹ/công ty đầu tư chứng khoán					
	B.2	Thay đổi NAV quỹ/công ty đầu tư chứng khoán do phân phối					
	B.3	Thay đổi NAV do thay đổi giá thị trường					
C (quỹ ETF)	C.1	NAV/01 lô chứng chỉ quỹ					
	C.2	Thay đổi NAV/01 lô chứng chỉ quỹ do phân phối					
	C.3	Thay đổi NAV/01 lô chứng chỉ quỹ do thay đổi giá thị trường					
D	D.1	Chi phí quản lý quỹ					
	D.2	Chi phí lưu ký, giám sát					
	D.3	Chi phí khác					
		Tổng chi phí					

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, NGÂN HÀNG LƯU KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục X

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI THỂ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm....

BÁO CÁO

Về danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán khi giải thể

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên công ty quản lý quỹ :
2. Tên ngân hàng lưu ký/giám sát:
3. Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:
4. Ngày lập báo cáo:

I. Báo cáo về tài sản của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo (VND)	Kỳ trước (VND)	%/cùng kỳ năm trước
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Tiền			
	Tiền gửi ngân hàng			
	Các khoản tương đương tiền			
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)			
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận			
I.4	Lãi được nhận			
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)			

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo (VND)	Kỳ trước (VND)	%/cùng kỳ năm trước
I.6	Các khoản phải thu khác			
I.7	Các tài sản khác			
I.8	Tổng tài sản			
TT	**Nợ**	**Kỳ báo cáo (VND)**	**Kỳ trước (VND)**	**% cùng kỳ năm trước**
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)			
II.2	Các khoản phải trả khác			
II.3	Tổng nợ			
	Tài sản ròng của quỹ/công ty ĐTCK (I.8-II.3)			
	Tổng số chứng chỉ quỹ/cổ phiếu đang lưu hành			
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ			

II. Báo cáo về danh mục tài sản của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán
I	**Cổ phiếu niêm yết**				
1					
2					
.....					
	Tổng				

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán
II	**Cổ phiếu không niêm yết**				
1					
2					
....					
	Tổng				
	Tổng các loại cổ phiếu				
III	**Trái phiếu**				
1					
2					
....					
	Tổng				
IV	**Các loại chứng khoán khác**				
1					
2					
....					
	Tổng				
V	**Các tài sản khác**				
1					
2					
....					
	Tổng				
VI	**Tiền**				
1	Tiền				
2	Tiền gửi ngân hàng				

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán
3	Tương đương tiền				
...					
	Tổng				
VII	**Tổng giá trị danh mục**				

III. Danh mục tài sản còn lại chưa phân phối cho nhà đầu tư (đối với quỹ ETF)

STT	Tên thành viên lập quỹ, nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận ĐKDN/ Giấy phép thành lập và hoạt động (thành viên lập quỹ)	Số Giấy CMND/ CCCD/ Hộ chiếu (đối với nhà đầu tư)	Danh mục chứng khoán cơ cấu					
				Cổ phiếu niêm yết		Trái phiếu		Các loại chứng khoán khác	
				Mã chứng khoán	Số lượng	Mã chứng khoán	Số lượng	Mã chứng khoán	Số lượng
I	**Thành viên lập quỹ**								
1	...								
2	.....								
II	**Nhà đầu tư**								
1	...								
2	.....								

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT/ NGÂN HÀNG LƯU KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XI

THÔNG BÁO CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ/CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO

Về chào bán/phát hành chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán ra công chúng

1. Công ty quản lý quỹ:

- Tên công ty (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:... do... cấp ngày...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

2. Ngân hàng giám sát:

- Tên ngân hàng (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày...

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

3. Thành viên lập quỹ (đối với quỹ ETF):

- Tên công ty chứng khoán/tên ngân hàng lưu ký (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do... cấp ngày.../Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

4. Tổ chức tạo lập thị trường (đối với quỹ ETF nếu có):

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

5. Đại lý phân phối:

- Tên đại lý phân phối (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

6. Chứng chỉ quỹ/Cổ phiếu chào bán/phát hành

- Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):

- Chỉ số tham chiếu (đối với quỹ ETF):

- Nơi niêm yết (đối với quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ ETF):

- Số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ (đối với quỹ ETF)/cổ phiếu đăng ký chào bán/phát hành

- Số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ (đối với quỹ ETF)/cổ phiếu chào bán tối thiểu (nếu có):

- Mệnh giá một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu:

- Giá chào bán hoặc công thức xác định giá chào bán:

- Số lượng/giá trị đăng ký mua tối thiểu (nếu có):

7. Hiệu lực đăng ký chào bán (90 ngày, kể từ ngày chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực)**:**

Từ ngày.../.../... tới ngày.../.../...

8. Thời hạn nhận đăng ký mua/thanh toán: từ ngày.../.../... tới ngày.../.../...

(tối thiểu 20 ngày và trong thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực)

9. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng chỉ quỹ/cổ phiếu (địa điểm phân phối):

10. Ngân hàng giám sát mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán

11. Hình thức thanh toán:

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XII

DANH SÁCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v danh sách Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên nghiệp vụ công ty đầu tư chứng khoán	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Danh sách Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán

STT	Họ và tên	Số Giấy CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Loại thành viên BĐD quỹ/HĐQT CTĐTCK (độc lập/khác)	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)	Địa chỉ liên lạc, tel, fax, email	Chữ ký
1						
2						
..						

II. Danh sách thành viên Ban điều hành, nhân viên nghiệp vụ của công ty đầu tư chứng khoán

STT	Họ và tên	Số Giấy CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Loại CCHN kinh doanh chứng khoán hoặc tương đương/ cơ quan cấp/ngày cấp	Vị trí công tác
1				
...				

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

Hồ sơ gửi kèm:
(liệt kê đầy đủ)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh (4 cm x 6 cm)

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Quốc tịch:

2. Số Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu:

3. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):

4. Điện thoại liên hệ: Fax, email:

5. Trình độ chuyên môn:

6. Nghề nghiệp:

7. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn (nêu rõ tên trường; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm))

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chương trình học	Tên bằng

8. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua):

Thời gian (tháng/năm)	Nơi làm việc	Chức vụ/Vị trí công tác	Trách nhiệm	Chức vụ

9. Chức vụ và nhiệm vụ tại Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán:

10. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

11. Nhân thân người khai (quan hệ vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh	Số Giấy CMND/ CCCD/Hộ chiếu	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp, Nơi làm việc	Chức vụ
	Vợ/chồng					
	Bố					
	Mẹ					
	Con					
	Anh/chị/em ruột...					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai trên.

Sau khi nghiên cứu Điều lệ quỹ/công ty đầu tư chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

Đối với thành viên Ban đại diện quỹ/thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán

- Đáp ứng các điều kiện áp dụng đối với thành viên Ban đại diện quỹ/thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ quỹ/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và các quy định của pháp luật liên quan;

- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ quỹ/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Đối với thành viên Ban đại diện quỹ độc lập/thành viên Hội đồng quản trị độc lập công ty đầu tư chứng khoán

- Đáp ứng các điều kiện áp dụng đối với thành viên độc lập của Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ quỹ/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và các quy định của pháp luật liên quan;

- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ quỹ/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI KHAI **NGƯỜI KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục XIV

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A - Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		+ Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
Chứng khoán phái sinh		
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
Các tài sản khác		
15	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán thông qua

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;

- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;

- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B - Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Phụ lục XV

TỔNG HỢP THÔNG TIN NHẬN BIẾT NHÀ ĐẦU TƯ TRƯỚC KHI MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A - Nội dung thông tin nhận biết nhà đầu tư

Đại lý phân phối tự thiết kế mẫu nhận biết nhà đầu tư, hoặc theo mẫu thiết kế bởi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, nhưng phải đảm bảo các thông tin tối thiểu sau đây:

a) Thông tin về nhà đầu tư:

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân người Việt Nam: Họ, tên; số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân; địa chỉ liên lạc; điện thoại;

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân nước ngoài: Họ, tên; quốc tịch; ngày tháng năm sinh; số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ tạm trú ở Việt Nam (nếu có); địa chỉ liên lạc tại nước ngoài trong vòng 06 tháng trước khi vào Việt Nam; điện thoại; mã số giao dịch chứng khoán;

Trường hợp tài khoản do nhiều nhà đầu tư đứng tên chủ sở hữu thì phải cung cấp đầy đủ những thông tin nêu trên đối với từng nhà đầu tư.

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; số, ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cơ quan thành lập; thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, lĩnh vực đầu tư; thông tin về người đại diện pháp luật cho tổ chức (bao gồm các thông tin như đối với nhà đầu tư cá nhân nêu trên);

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài: Tên đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; số, ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cơ quan thành lập; thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, lĩnh vực đầu tư; thông tin về người đại diện pháp luật cho tổ chức (bao gồm các thông tin như đối với nhà đầu tư cá nhân nêu trên); mã số giao dịch chứng khoán.

b) Thông tin về người được hưởng lợi:

- Đối với người được hưởng lợi là cá nhân người Việt Nam: Họ, tên; số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân; địa chỉ liên lạc; điện thoại;

- Đối với người được hưởng lợi là cá nhân nước ngoài: Họ, tên; quốc tịch; ngày tháng năm sinh; số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ tạm trú ở Việt Nam (nếu có); địa chỉ liên lạc tại nước ngoài trong vòng 06 tháng trước khi vào Việt Nam; điện thoại;

- Đối với người được hưởng lợi là tổ chức: Tên đơn vị giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; số, ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cơ quan thành lập; thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, lĩnh vực đầu tư; thông tin về người đại diện pháp luật cho tổ chức (bao gồm các thông tin như đối với người được hưởng lợi cá nhân nêu trên).

c) Tên và chữ ký của nhân viên chịu trách nhiệm duyệt mở tài khoản.

B. Biện pháp nhận biết nhà đầu tư

a) Sử dụng các tài liệu, dữ liệu gốc đáng tin cậy để nhận dạng và xác minh nhận dạng nhà đầu tư như:

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Giấy Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc thị thực xuất - nhập cảnh gần nhất hoặc Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng hoặc các chứng thực cá nhân hợp pháp khác có ảnh của nhà đầu tư và có đóng dấu giáp lai lên ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức: Giấy phép hoặc Quyết định thành lập, Quyết định thay đổi tên, chia tách, sáp nhập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thuế, báo cáo tài chính đã được kiểm toán; quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng.

b) Đại lý phân phối có thể sử dụng bên thứ ba để xác minh nhận dạng nhà đầu tư như sau:

- Thông qua các cá nhân, tổ chức (bao gồm cả các đại lý phân phối khác, ngân hàng lưu ký) đã hoặc đang có quan hệ với nhà đầu tư và đối chiếu thông tin có được với thông tin do nhà đầu tư cung cấp;

- Tổ chức báo cáo có thể thuê, hợp tác với các tổ chức khác để xác minh nhận dạng nhà đầu tư.

c) Trường hợp có nhiều nhà đầu tư có liên quan thì Đại lý phân phối phải áp dụng biện pháp xác minh nhận dạng đối với từng nhà đầu tư;

d) Đại lý phân phối tự bổ sung các biện pháp nhận biết nhà đầu tư khác căn cứ vào tính chất hoạt động, kinh doanh của mình và căn cứ vào mức độ rủi ro rửa tiền gắn với từng loại nhà đầu tư.

Phụ lục XVI

MẪU PHIẾU LỆNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Kính gửi: Đại lý phân phối (tên đại lý phân phối)

1	**Phần dành cho nhà đầu tư**
Họ và tên nhà đầu tư:	Số tài khoản:
Số Giấy CMND/CCCD:	Nơi, ngày cấp:
Loại tài khoản: Nhà đầu tư □	Đại lý phân phối □

Loại lệnh: MUA □

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ MUA

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bằng số	Bằng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Loại lệnh: BÁN □

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ BÁN

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bằng số	Bằng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Loại lệnh: CHUYỂN ĐỔI QUỸ □

Từ quỹ (*tên của quỹ*) sang quỹ (*tên của quỹ mục tiêu*)

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI:

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bằng số	Bằng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Loại lệnh/yêu cầu: HỦY LỆNH/YÊU CẦU MUA □ BÁN □

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bằng số	Bằng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Loại lệnh/yêu cầu: ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ MUA HÀNG THÁNG

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bằng số	Bằng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Hình thức thanh toán

Tiền mặt □ Chuyển khoản □

Địa chỉ liên hệ của nhà đầu tư (bằng thư)

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại nơi làm việc:

Điện thoại di động:

Thư điện tử:

Tài khoản tiền gửi tại ngân hàng:

Số tài khoản ngân hàng:

Người quản lý tài khoản:

Nhà đầu tư *(Ký, ghi rõ họ, tên)*	**Nhân viên của Đại lý phân phối** *(Ký, ghi rõ họ, tên)*
Ngày.... tháng..... năm	Ngày.... tháng..... năm

Các thông tin khác theo quy định của Công ty quản lý quỹ

Các văn bản thỏa thuận và các ủy quyền đi kèm

2	**Phần dành cho đại lý phân phối**	
Thời điểm nhận lệnh	Nhân viên nhận lệnh	Nhân viên kiểm soát

Phụ lục XVII

MẪU THÔNG BÁO XÁC NHẬN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

XÁC NHẬN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

(báo cáo gửi nhà đầu tư sau khi hoàn tất giao dịch)

Tên nhà đầu tư:

Địa chỉ:

Loại giao dịch: (mua/bán/chuyển đổi)

Ngày xác nhận giao dịch:

Tên quỹ: (nêu đầy đủ tên của quỹ)

Hình thức thanh toán: (tiền mặt/chuyển khoản)

Số tài khoản:

Số giao dịch:

Ngày giao dịch:

Số lượng đơn vị quỹ:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

Giá dịch vụ giao dịch (giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại):

Giá thực hiện:

Tổng giá trị thanh toán:

Đại lý phân phối: (tên của đại lý phân phối)

Ghi chú:

Phụ lục XVIII

MẪU SỔ LỆNH GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Thông tin về lệnh giao dịch lưu trữ tại Sổ lệnh

a) Tên quỹ;

b) Họ và tên người đặt lệnh hoặc chuyển lệnh;

c) Họ và tên người nhận lệnh;

d) Thời điểm (ngày, tháng, năm, giờ, phút) nhận lệnh;

đ) Điều khoản và hình thức thanh toán;

e) Loại lệnh;

g) Thời điểm (ngày, tháng, năm, giờ, phút) thực hiện lệnh;

h) Số lượng đơn vị quỹ đã giao dịch thành công (số lượng đơn vị quỹ đã mua, số lượng đơn vị quỹ đã bán);

i) Giá phát hành, giá mua lại trên một đơn vị quỹ;

k) Giá trị chứng chỉ quỹ đã mua, giá trị chứng chỉ quỹ đã bán;

l) Tổng giá trị thanh toán (giá trị chứng chỉ quỹ đã mua cộng giá dịch vụ phát hành, giá trị chứng chỉ quỹ đã bán trừ đi giá dịch vụ mua lại)

Phụ lục XIX
CÁCH TÍNH MỨC SAI LỆCH SO VỚI CHỈ SỐ THAM CHIẾU (TRACKING ERROR - TE)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n}\sqrt{\frac{1}{n-1}\sum_{i=-n}^{-1}(R_i - \overline{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln\left[\frac{\text{NAV/1 lô CCQ}_i}{\text{NAV/1 lô CCQ}_{i-1}}\right] - \ln\left[\frac{\text{Chỉ số tham chiếu}_i}{\text{Chỉ số tham chiếu}_{i-1}}\right]$$

$$\overline{R} = \frac{1}{n}\sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$$n=26$$

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới 06 tháng, n là số tuần, kể từ tuần Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.

Phụ lục XX

MẪU BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động quản lý bất động sản năm.....

Kính gửi:

- Ban đại diện quỹ
- Công ty quản lý quỹ...

I. Tổ chức quản lý bất động sản

- Tổ chức quản lý bất động sản:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do... cấp ngày...
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:

II. Những thông tin yêu cầu

STT	Thông tin
I. Thông tin chung	
1	Khách hàng và yêu cầu: Công ty quản lý quỹ (thông tin chi tiết về yêu cầu)
2	Nội dung và phạm vi quản lý bất động sản: - Khai thác bất động sản; quản lý, giám sát việc thuê, sử dụng bất động sản của khách hàng theo đúng công năng, thiết kế và hợp đồng - Cung cấp các dịch vụ bảo đảm duy trì hoạt động của bất động sản - Thực hiện bảo trì, sửa chữa bất động sản

STT	Thông tin
II. Mô tả chi tiết về tài sản quản lý (liệt kê từng hạng mục)	
3	Thông tin chi tiết về bất động sản quản lý Cung cấp những thông tin chi tiết sau: i. Số lượng, diện tích ii. Vị trí địa lý, địa điểm và khu vực lân cận ii. Các công trình kiến trúc iii. Công năng sử dụng
4	Thông tin cụ thể đối với từng loại bất động sản i. Các công trình công nghiệp ii. Bất động sản tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê iii. Bất động sản có thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ/giải trí iv. Đất nông nghiệp/trồng trọt v. Dự án đầu tư và phát triển bất động sản vi. Đất nhượng đồn điền/công nghiệp khai thác
III. Thông tin về tình hình khai thác bất động sản	
5	Bất động sản tạo thu nhập cố định (nêu chi tiết tỷ suất phòng, tổng số khách hàng, thông tin về 10 khách hàng lớn nhất, tỷ trọng doanh thu/diện tích sử dụng của 10 khách hàng lớn nhất, phân nhóm khách hàng theo ngành nghề kinh doanh...)
6	Bất động sản phục vụ giải trí, nghỉ dưỡng (chi tiết loại hình dịch vụ cung cấp và giá cả, xếp hạng, tỷ suất sử dụng, công suất phòng)
7	Dự án đang trong giai đoạn đầu tư và phát triển bất động sản (phải nêu rõ các chi tiết liên quan đến tình trạng mua bán/cho thuê trước, tiến độ xây dựng, tóm lược về giá trị bán và các hợp đồng liên quan đã được ký kết)
8	Đất nông nghiệp (nêu rõ loại cây trồng, độ tuổi của cây, lợi tức, chi phí sản xuất... Đối với các dự án chuyển nhượng khai thác gỗ, những chi tiết liên quan đến cơ sở hạ tầng, bảng kê chi tiết các khu vực của rừng, quy

STT	Thông tin
	định bảo vệ rừng, lượng gỗ dự trữ các loại có thể mua bán, khối lượng dự kiến có thể khai thác, lợi tức, chi phí quản lý và duy trì hoạt động, nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước; và những thông tin khác ví dụ khoảng cách đến nơi tiêu thụ, sản xuất, bến cảng...)
9	Công trình công nghiệp (chi tiết thiết kế nhà xưởng, loại hình hoạt động sản xuất)
10	Bất động sản trong lĩnh vực khai khoáng (chi tiết về loại sản phẩm, khối lượng dự trữ, phương pháp khai thác, chế biến, chiết xuất, tỷ lệ khai thác, chiết xuất từ sản phẩm thô trong quá khứ và hiện tại, liệt kê danh sách các trang thiết bị, máy móc sử dụng trong quá trình khai thác cùng năng suất của chúng)
IV. Thông tin về chi phí (nêu rõ các loại chi phí quản lý, tình hình bảo trì, sửa chữa bất động sản...) (nêu chi tiết tới từng hạng mục bất động sản)	
V. Chênh lệch doanh thu, chi phí, lợi nhuận so với năm trước; đánh giá về triển vọng doanh thu, thu nhập, chi phí trong 3 năm sắp tới (nêu chi tiết tới từng hạng mục bất động sản), cơ sở đánh giá	
VI. Các thông tin đặc trưng khác có liên quan tới hoạt động quản lý bất động sản	

Nơi nhận:
- .....
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
TỔ CHỨC QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục XXI

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐỊNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO

Về hoạt động định giá năm.....

Kính gửi:

- Ban đại diện quỹ
- Công ty quản lý quỹ...

I. Doanh nghiệp thẩm định giá

- Doanh nghiệp thẩm định giá:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do... cấp ngày...
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- (Các) Thẩm định viên về giá hành nghề:
- Thẻ thẩm định viên về giá số:... do... cấp ngày...
- Chi tiết về các bất động sản thẩm định giá trong năm (liệt kê từng hạng mục):

+ Loại tài sản:

+ Địa chỉ:

+ Số Lô:

+ Quận:

+ Thành phố:

+ Giá trị thị trường:

+ Ngày thẩm định giá:

II. Những thông tin yêu cầu

STT	Thông tin	Ghi chú
1	Khách hàng và yêu cầu i. Công ty quản lý quỹ (thông tin chi tiết về yêu cầu) ii. Ban đại diện (thông tin chi tiết về yêu cầu) iii. Đại hội nhà đầu tư (thông tin chi tiết về yêu cầu)	
2	Mục đích thẩm định giá i. Báo cáo hoạt động thẩm định giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán ii. Loại hồ sơ đề nghị	
3	Giá trị cần được thẩm định giá	
4	Ngày thực hiện thẩm tra và tên của những người có liên quan	
5	Chi tiết quyền sở hữu i. Thực hiện xác minh quyền sở hữu ii. Những chi tiết cơ bản về quyền sở hữu iii. Nếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu cần định giá có liên quan đến Giấy phép/Giấy chứng nhận/hoạt động cho thuê/góp vốn liên doanh thì phải cung cấp thêm những thông tin sau: - Tài liệu xác minh về quyền sở hữu hợp pháp - Những thông tin chi tiết của các tài liệu trên	
6	Cung cấp những thông tin chi tiết sau: i. Vị trí và khu vực lân cận ii. Các công trình kiến trúc trên đất iii. Ý kiến về chấp thuận công trình xây dựng iv. Báo cáo phải nêu rõ tất cả các tranh chấp, kiện tụng, các vi phạm quy định pháp luật liên quan đến bất động sản cần định giá v. Giấy phép xây dựng và/hoặc chi tiết dự án dự kiến	

STT	Thông tin	Ghi chú
7	Thông tin cụ thể đối với từng loại bất động sản i. Các công trình công nghiệp ii. Bất động sản tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê iii. Bất động sản có thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ/giải trí iv. Đất nông nghiệp/trồng trọt v. Dự án đầu tư và phát triển bất động sản vi. Đất nhượng đồn điền/công nghiệp khai thác	
8	Cơ sở thẩm định giá và các giả thiết (nếu có)	
9	Phương pháp và phương thức thẩm định giá i. Hai phương pháp định giá được sử dụng ii. Chi tiết việc thực hiện định giá và các chú giải iii. Thống nhất về giá trị cuối cùng	
10	Tổng quan về ngành/điều kiện thị trường của bất động sản thẩm định giá	
11	Báo cáo thẩm định giá được ký bởi thẩm định viên về giá hành nghề hoặc nhóm các thẩm định viên về giá hành nghề cùng với số chứng chỉ, đăng ký và ngày ký	
12	Tất cả các công văn/chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền bổ trợ cho việc thẩm định giá	
13	Bản sao hợp lệ của Giấy chứng nhận quyền sở hữu/Giấy phép/Giấy chứng nhận/hợp đồng thuê	
14	Bản sao các tài liệu có liên quan và bản gốc báo cáo đánh giá của chuyên gia	
15	Hồ sơ dự án thiết kế thi công đã được chấp thuận/biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (nếu có)	
16	Tất cả các bản sao phải được công chứng/chứng thực	
17	Bản vẽ xây dựng, sơ đồ vị trí bất động sản và bản đồ quy hoạch khu vực	

STT	Thông tin	Ghi chú
18	Các bức ảnh gốc của bất động sản cần thẩm định giá và bất động sản tham chiếu	
19	Xác nhận của doanh nghiệp thẩm định giá	
20	Xác nhận của thẩm định viên về giá hành nghề	

Nơi nhận:
- Như trên
- .....
- Lưu: .....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Phụ lục XXII

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HỒ SƠ LƯU TẠI NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ phải lưu trữ các tài liệu chứng từ liên quan tới hoạt động giám sát, quản lý quỹ cụ thể như sau:

Quỹ/công ty đầu tư chứng khoán	*Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát* 1) Chứng từ về tất cả các đợt phát hành mới chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán, với các nội dung sau: - Ngày đặt mua - Tên và địa chỉ của người đặt mua chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán - Số lượng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán - Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu - Giá dịch vụ - Tên của đại lý phân phối (nếu có) - Hoa hồng - Các vấn đề khác có liên quan; - Ngày ký hợp đồng 2) Chứng từ thanh toán của mỗi hợp đồng - Ngày thực hiện giao dịch - Ngày nhận thanh toán, người thực hiện thanh toán - Ngày chuyển tiền vào tài khoản của quỹ (ngân hàng giám sát) - Ngày thanh toán (ngân hàng giám sát) - Người nhận thanh toán (ngân hàng giám sát) - Ngày khấu trừ khỏi tài khoản của quỹ (ngân hàng giám sát)

Giao dịch cho danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán	*Ngân hàng giám sát* 1) Hoạt động lưu chuyển tiền tệ của quỹ kèm theo hợp đồng và các hồ sơ, chứng từ thanh toán có liên quan tới: - Các khoản thu từ các đợt phát hành thêm chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán - Các khoản thanh toán cho việc mua lại chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán - Các khoản thanh toán cho tổ chức môi giới chứng khoán cho các giao dịch mua chứng khoán cho quỹ - Các khoản thu từ các tổ chức môi giới chứng khoán cho các giao dịch bán chứng khoán cho quỹ 2) Thông tin chi tiết về mọi lệnh giao dịch mua, bán cho tài sản quỹ/công ty đầu tư chứng khoán phải được lưu trữ trong sổ lệnh. Sổ lệnh phải bao gồm các nội dung sau: - Tên của danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán - Khối lượng chứng khoán/tài sản lệnh đặt - Thời gian đặt lệnh 3) Khi lệnh đã được khớp, sổ lệnh cần phải cập nhật thêm các thông tin sau: - Tên của danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoặc tên của nhà đầu tư ủy thác - Khối lượng giao dịch đã thực hiện - Thời gian thực hiện lệnh - Thời điểm nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc thời điểm Giấy chứng nhận này được ngân hàng lưu ký phát hành - Những điều chỉnh/thay đổi liên quan tới giao dịch hoặc các lỗi giao dịch

Các khoản đầu tư - Tài khoản vốn	*Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát* *1)* Thông tin về các khoản đầu tư phải được lưu trữ bao gồm: - Khối lượng và giá của từng tài sản giao dịch - Tổng chi phí giao dịch bao gồm hoa hồng và phí giao dịch - Các giao dịch tiếp theo liên quan tới tài sản này - Giá giao dịch liên quan tới tài sản này - Các hoạt động về vốn 2) Thông tin về các hoạt động của tổ chức phát hành làm thay đổi bản chất, số lượng hoặc giá trị của tài sản (phát hành các quyền mua, chia tách cổ phiếu, điều chỉnh giảm vốn, thay đổi giá trị danh nghĩa, thay đổi tên, thâu tóm hoặc sáp nhập, phá sản hoặc thanh lý) đều phải được lưu trữ, bao gồm: - Loại hoạt động - Ngày có hiệu lực - Kết quả thay đổi (theo giá trị hoặc khối lượng)
Các khoản đầu tư - tài khoản thu nhập	*Ngân hàng giám sát* Thông tin về thu nhập và lợi nhuận phải bao gồm các nội dung: - Loại hình thu nhập - Người trả - Nguồn thu nhập; - Ngày nhận - Tỷ lệ (trái khoán hoặc cổ tức) - Giá trị - Khấu trừ thuế, và tỷ lệ khấu trừ
Tiền vay	*Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát* Tiền vay - Lượng tiền vay - Mục đích - Chứng khoán vay - các chi tiết cụ thể - Người cho vay - Ngày trả - Tỷ lệ lãi suất - Các điều kiện cho vay đặc biệt

Tính giá trị tài sản ròng (NAV)	*Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát* 1) Thông tin về quy trình và phương pháp tính giá trị tài sản ròng cần phải được lưu trữ bao gồm: - Số lượng chứng khoán (cổ phiếu hoặc trái phiếu) hoặc các loại hình tài sản khác. Trong trường hợp tài sản là bất động sản thì cần có thêm thông tin về vị trí, loại hình bất động sản. + Giá của mỗi tài sản + Phương pháp tính NAV + Hồ sơ định giá do công ty quản lý quỹ thành lập + Đánh giá của người thẩm định hoặc cơ quan, tổ chức thẩm định giá; + Các lỗi trong phương pháp tính NAV do cơ quan, tổ chức thẩm định giá thẩm tra phát hiện
Tính giá một chứng chỉ chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán	*Công ty quản lý quỹ* - Giá trị tài sản ròng của quỹ và thời điểm xác định giá trị này (ngày, tháng, giờ) - Số lượng chứng chỉ của đợt phát hành sử dụng để định giá - Giá dịch vụ - phát hành hoặc mua lại - giá dịch vụ này được cộng vào giá hoặc trừ đi từ giá chứng chỉ - Hồ sơ định giá trình cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo - Chứng từ, sổ sách - Chi tiết các lỗi trong định giá chứng chỉ và cách xử lý các lỗi đó *Ngân hàng giám sát* - Xác nhận việc tính giá trị tài sản ròng - Bằng chứng cho việc kiểm tra và xác nhận và bản sao của những thông báo gửi đến công ty quản lý quỹ xác nhận lỗi và việc sửa lỗi
Sổ đăng ký nhà đầu tư/cổ đông	*Công ty quản lý quỹ* 1) Sổ đăng ký nhà đầu tư/cổ đông của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán cần phải luôn được cập nhật. Sổ đăng ký phải được lập theo mẫu, dưới dạng văn bản và dưới dạng thông tin điện tử, gồm các nội dung sau:

	- Tên và địa chỉ hiện tại (nếu có) của nhà đầu tư, mã số khách hàng, Số chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực - Số lượng chứng chỉ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán nắm giữ - Thời điểm mua chứng chỉ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán - Tên đại lý phân phối chứng chỉ/cổ phiếu đó (nếu có) - Các yêu cầu đặc biệt của nhà đầu tư, cổ đông (cầm cố chứng chỉ/cổ phiếu, các quy định đối với thủ tục phá sản, hoạt động điều tra hình sự, di chúc...) 2) Thông tin về các giao dịch cá nhân với các nội dung: - Bản chất của mỗi giao dịch (mua, bán, hoặc các hình thức chuyển nhượng khác) - Tên của đối tác giao dịch - Ngày thực hiện giao dịch - Khối lượng giao dịch - Tên đại lý phân phối, địa điểm phân phối (nếu có)
Thông tin chi tiết về tài sản được lưu ký	*Ngân hàng giám sát* 1) Thông tin về các tài sản được lưu ký bao gồm: - Ký danh (tên) của tài khoản lưu ký - Danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoặc của các nhà đầu tư ủy thác - Thông tin chi tiết của các hợp đồng lưu ký phụ cho từng tài sản (nếu có) - Khối lượng tài sản - Ngày thực hiện giao dịch - Giá giao dịch - Hình thức sở hữu và nơi lưu ký tài sản (ghi danh, chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ) 2) Các yêu cầu đặc biệt của nhà đầu tư (cầm cố chứng chỉ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán, các quy định đối với thủ tục phá sản, hoạt động điều tra hình sự, di chúc...) Các thông tin này phải được xây dựng theo hình thức để có thể phân tích:

	- Theo loại hình tài sản lưu ký - Theo loại hình quỹ/công ty đầu tư chứng khoán 3) Thông tin về các giao dịch đã được thực hiện bao gồm: - Loại, tên tài sản - Số tiền - Bản chất của giao dịch - Ngày thực hiện giao dịch - Thông báo xác nhận kết quả giao dịch (hóa đơn, chứng từ, xác nhận của ngân hàng) - Hoạt động điều chỉnh trên tài khoản danh mục, nhà đầu tư ủy thác - Giá trị tài sản ròng và phương pháp tính giá - Các chứng từ kiểm tra và xác minh, các bản sao của các thông báo xác nhận kết quả giao dịch, thông báo báo lỗi...
Lưu trữ và bảo quản	Ngân hàng giám sát - Địa điểm nơi các tài sản phải được lưu trữ, bảo quản - Thẩm quyền di chuyển hoặc chuyển nhượng tài sản - Các biên bản kiểm tra định kỳ về tình hình tài sản do ngân hàng lưu ký hoặc tổ chức kiểm toán hợp pháp thực hiện.

Phụ lục XXIII

MẪU THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ QUỸ MỞ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

- Tên của nhà đầu tư:

- Địa chỉ:

- Tài khoản số:

- Kỳ báo cáo: từ ngày..... tháng..... năm.... tới ngày..... tháng.... năm.....

Đơn vị: CCQ/VND

Ngày	Giao dịch	Số lượng đơn vị quỹ	Giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ (*)	Giá giao dịch trên một đơn vị quỹ	Tổng giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3) × (5)
	Số dư đầu kỳ				
	Mua				
	Bán				
	Số dư cuối kỳ				

** Tính theo giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất*

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XXIV

MẪU BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO

Về thay đổi giá trị tài sản ròng

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên công ty quản lý quỹ:
- Tên ngân hàng giám sát:
- Tên quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán:
- Kỳ báo cáo: từ ngày..... tháng..... năm..... tới ngày..... tháng.... năm.....

Đơn vị tính: VNĐ

I. Đối với quỹ định giá hàng ngày

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	**Giá trị tài sản ròng**		
1.1	Của quỹ		
1.2	Của một lô chứng chỉ quỹ ETF		
1.3	Của một chứng chỉ quỹ		
2	**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)**		
2.1	Số lượng chứng chỉ quỹ		
2.2	Tổng giá trị		
2.3	Tỷ lệ sở hữu		

II. Đối với các quỹ theo kỳ định giá khác/báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	**Giá trị tài sản ròng**		
1	**Giá trị đầu kỳ**		
1.1	*Của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán*		
1.2	*Của một lô chứng chỉ quỹ ETF*		
1.3	*Của một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu*		
2	**Giá trị cuối kỳ**		
2.1	*Của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán*		
2.2	*Của một lô chứng chỉ quỹ ETF*		
2.3	*Của một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu*		
3	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó**		
3.1	*Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán trong kỳ*		
3.2	*Thay đổi do mua lại, phát hành thêm CCQ trong kỳ*		
3.3	*Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư trong kỳ*		
4	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu so với kỳ trước**		
5	**Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất**		
5.1	*Giá trị cao nhất*		
5.2	*Giá trị thấp nhất*		

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
6	**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)**		
6.1	*Số lượng chứng chỉ quỹ*		
6.2	*Tổng giá trị*		
6.3	*Tỷ lệ sở hữu*		
II	**Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ/một cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (áp dụng đối với quỹ/công ty đầu tư chứng khoán niêm yết)**		
1	**Giá trị đầu kỳ**		
2	**Giá trị cuối kỳ**		
3	**Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước**		
4	**Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (áp dụng đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán niêm yết)**		
4.1	*Chênh lệch tuyệt đối **		
4.2	*Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) /thặng dư (+))***		
5	**Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất**		
5.1	*Giá trị cao nhất*		
5.2	*Giá trị thấp nhất*		

Lưu ý: * Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - Giá trị tài sản ròng cùng thời điểm)

** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - Giá trị tài sản ròng cùng thời điểm)/Giá trị tài sản ròng

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XXV

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÁN NIÊN, NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

(6 tháng, năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

a) Tên của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, loại hình quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

c) Thời hạn hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán (nếu có);

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có);

e) Chính sách phân chia lợi nhuận;

f) Số lượng đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đang lưu hành;

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán trong kỳ báo cáo (nếu có);

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo (nếu có);

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

- Giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/một cổ phiếu; số lượng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đang lưu hành;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/một cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán cao nhất/thấp nhất trong năm

- Tổng lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận;

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính);

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính);

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

(i) Trong thời hạn 12 tháng (01 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 1 năm); hoặc

(ii) Trong thời hạn 36 tháng (03 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 3 năm); hoặc

(iii) Trong thời hạn 60 tháng (05 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 05 năm);

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có);

b) Thuyết minh về việc quỹ/công ty đầu tư chứng khoán có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán);

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị);

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật

đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán năm liền kề năm báo cáo;

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)...;

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách);

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ đông công ty đầu tư chứng khoán;

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có);

m) Các thông tin khác (nếu có).

Trường hợp là quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bất động sản, bổ sung các nội dung:

a) Thông tin về hiện trạng và khả năng khai thác bất động sản trong kỳ. Thông tin về các giao dịch (mua - bán) bất động sản trong kỳ;

b) Đánh giá về tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản;

c) Thông tin về hoạt động định giá bất động sản trong kỳ. Mô tả chênh lệch giữa giá gốc và giá trị của bất động sản được định giá lại trong kỳ;

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch của Công ty quản

lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có);

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch;

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch;

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán.

Trường hợp ngân hàng giám sát có ý kiến cho rằng Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch về các nội dung nêu trên, thì phải cung cấp thông tin đầy đủ về các sự kiện đó, trong đó nêu rõ các ảnh hưởng có thể xảy ra đối với nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, kể cả nhà đầu tư/cổ đông đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán trước đây và nhà đầu tư/cổ đông tiềm năng tại thời điểm phát sinh sự kiện. Ngân hàng giám sát cần đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục, giải pháp nhằm hạn chế các tình huống tương tự có thể xảy ra trong tương lai.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản);

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XXVI

MẪU BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
Về hoạt động đầu tư
(tháng, quý, năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

2. Tên Công ty quản lý quỹ:

3. Tên ngân hàng lưu ký/giám sát:

4. Ngày lập báo cáo:

A. BÁO CÁO CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN *(Đơn vị tính: VND)*

I. Báo cáo về tài sản

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/cùng kỳ năm trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Tiền, tương đương tiền			
	Tiền gửi ngân hàng			
I. 2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)			

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/cùng kỳ năm trước
I. 3	Thu từ cho thuê bất động sản đầu tư (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)			
I. 4	Cổ tức, trái tức được nhận			
I.5	Lãi được nhận			
I.6	Tiền bán bất động sản chờ thu (kê chi tiết - áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)			
I. 7	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)			
I. 8	Các khoản phải thu khác			
I. 9	Các tài sản khác			
I.10	Tổng tài sản			
TT	**Nợ**	**Kỳ báo cáo**	**Kỳ trước**	**% cùng kỳ năm trước**
II. 1	Tiền phải thanh toán mua bất động sản (kê chi tiết)			
II. 2	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)			
II. 3	Các khoản phải trả khác			
II.4	Tổng nợ			
	Tài sản ròng của Quỹ/Công ty đầu tư (I.10-II.4)			
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành			
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu			

II. Báo cáo kết quả hoạt động

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I	**Thu nhập từ hoạt động đầu tư**			
1	Thu từ bất động sản cho thuê (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)			
2	Cổ tức, trái tức được nhận			
3	Lãi được nhận			
4	Các khoản thu nhập khác			
II	**Chi phí**			
1	Chi phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ			
2	Chi phí lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát			
3	Chi phí quản trị quỹ và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có)			
4	Chi phí dịch vụ quản lý bất động sản (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)			
5	Chi phí dịch vụ định giá bất động sản (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)			
6	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán			
7	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị			

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
8	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông, Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị			
9	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ/công ty			
10	Các loại chi phí khác (*nêu chi tiết*)			
III	**Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)**			
IV	**Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư**			
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư hoặc chuyển nhượng bất động sản			
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ			
V	**Thay đổi của giá trị tài sản ròng do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)**			
VI	**Giá trị tài sản ròng đầu kỳ**			
VII	**Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ/Công ty trong kỳ, trong đó:**			
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán do các hoạt động đầu tư trong kỳ			
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc chi trả lợi tức/cổ tức cho các nhà đầu tư/cổ đông trong kỳ			

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phát hành thêm/mua lại chứng chỉ quỹ			
VIII	**Giá trị tài sản ròng cuối kỳ**			
IX	**Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)**			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm			

III. Báo cáo danh mục đầu tư

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của quỹ/công ty
I	**Bất động sản đầu tư (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)**				
1					
2					
	Tổng				
II	**Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ niêm yết**				
1					
2					
	Tổng				
III	**Cổ phiếu chưa niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ không niêm yết**				
1					
2					
	Tổng				

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của quỹ/công ty
IV	**Trái phiếu**				
1					
2					
	Tổng				
V	**Các loại chứng khoán khác**				
1					
2					
	Tổng				
VI	**Các tài sản khác**				
1					
2					
	Tổng				
VII	**Tiền**				
1	Tiền, tương đương tiền				
2	Tiền gửi ngân hàng				
...					
	Tổng				
VIII	**Tổng giá trị danh mục**				

IV. Báo cáo hoạt động vay, giao dịch mua bán lại

STT	Nội dung hoạt động (nêu chi tiết theo mục tiêu và đối tác)	Đối tác	Mục tiêu/ Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị khoản vay hoặc khoản cho vay	Thời điểm giao dịch		Thời điểm báo cáo	
						Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty (%)	Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/ giá trị tài sản ròng của quỹ/ công ty (%)
1	Các khoản vay tiền *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								
1.1	...								
...	...								
I	Tổng giá trị các khoản vay tiền/giá trị tài sản ròng								
2	Hợp đồng Repo[4] *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								
2.1	.....								
...	....								
II	Tổng giá trị các hợp đồng Repo/giá trị tài sản ròng								
A	Tổng giá trị các khoản vay/giá trị tài sản ròng (= I + II)								
3	Cho vay chứng khoán *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								
3.1	...								
...	....								
III	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								

[4] Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại, trong đó công ty đầu tư chứng khoán là bên bán chứng khoán (bên đi vay tiền)

STT	Nội dung hoạt động (nêu chi tiết theo mục tiêu và đối tác)	Đối tác	Mục tiêu/ Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị khoản vay hoặc khoản cho vay	Thời điểm giao dịch		Thời điểm báo cáo	
						Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty (%)	Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/ giá trị tài sản ròng của quỹ/ công ty (%)
4	Hợp đồng Reverse Repo[5] *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								
4.1	.....								
...	...								
IV	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								
B	Tổng giá trị các khoản cho vay/ giá trị tài sản ròng (= III + IV)								

V. Một số chỉ tiêu khác

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	**Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động**		
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		

[5] Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại, trong đó công ty đầu tư chứng khoán là bên mua chứng khoán (bên cho vay chứng khoán)

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) (nếu có)		
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
5	Chi phí trả cho tổ chức quản lý bất động sản/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
6	Chi phí trả cho doanh nghiệp thẩm định giá bất động sản/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
7	Chi phí dịch tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ (Hội đồng quản trị)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
8	Tỷ lệ chi phí/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
9	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%)		
10	Tỷ lệ thu nhập (tính cả thu nhập từ lãi, cổ tức, trái tức, chênh lệch giá)/Giá trị tài sản ròng (áp dụng đối với quỹ thành viên, quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán)		
II	**Các chỉ tiêu khác**		
1	Quy mô quỹ/công ty đầu kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ		

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ		
2	Thay đổi quy mô trong kỳ		
	Số lượng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ		
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ		
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ		
	Giá trị vốn thực thanh toán trong kỳ		
3	Quy mô quỹ/công ty cuối kỳ		
	Tổng giá trị thị trường của quỹ/công ty đang lưu hành cuối kỳ		
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ		
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ phiếu của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ		
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ phiếu của 10 nhà đầu tư/cổ đông lớn nhất cuối kỳ		
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ phiếu của nhà đầu tư/cổ đông nước ngoài cuối kỳ		
7	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu cuối kỳ		
8	Giá trị thị trường trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu cuối kỳ (áp dụng đối với quỹ niêm yết)		
9	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh (áp dụng đối với quỹ mở)		

VI. Thống kê giá dịch vụ giao dịch

(chỉ thực hiện đối với báo cáo năm)

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo)	Quan hệ với công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ/công ty tại từng công ty chứng khoán			Giá dịch vụ giao dịch bình quân	Giá dịch vụ giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ/công ty	Tỷ lệ giao dịch của quỹ/công ty qua công ty chứng khoán trong kỳ báo cáo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/(5)(%)	(7)	(8)
1							
...							
Tổng							

VII. Thống kê giao dịch của Quỹ đầu tư bất động sản/Công ty đầu tư chứng khoán bất động sản với người có liên quan

(*Chỉ thực hiện đối với báo cáo quý II và báo cáo năm. Trường hợp này, thời gian chốt số liệu của báo cáo quý II áp dụng tương tự như thời gian chốt số liệu của báo cáo 6 tháng)*

STT	Thông tin về người có liên quan (nêu chi tiết tên cá nhân, tổ chức)	Số Giấy CMND/CCCD/ Hộ chiếu/Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thông tin về giao dịch		
			Tổng giá trị giao dịch (VND)	Loại tài sản giao dịch (liệt kê chi tiết)	Thời điểm thực hiện/Mức giá giao dịch (VND)
I	Nhân viên công ty quản lý quỹ				
1	Nguyễn Văn A				
....					

STT	Thông tin về người có liên quan (nêu chi tiết tên cá nhân, tổ chức)	Số Giấy CMND/CCCD/ Hộ chiếu/Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thông tin về giao dịch		
			Tổng giá trị giao dịch (VND)	Loại tài sản giao dịch (liệt kê chi tiết)	Thời điểm thực hiện/Mức giá giao dịch (VND)
II	Thành viên Hội đồng quản trị /Hội đồng thành viên, cổ đông lớn, thành viên góp vốn trên 5% Vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ, người đại diện ủy quyền của các đối tượng này				
1	Nguyễn Văn B				
....					
III	Các giao dịch với Công ty quản lý quỹ				
IV	Ngân hàng giám sát				
V	Thành viên Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty ĐTCK				
1	Nguyễn Văn C				
...					
VI	Nhà đầu tư sở hữu từ 5% Vốn điều lệ của quỹ và người đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư này				
VII	Người có quyền lợi liên quan tới các cá nhân, tổ chức tại I, II, III, IV, V, VII				

STT	Thông tin về người có liên quan (nêu chi tiết tên cá nhân, tổ chức)	Số Giấy CMND/CCCD/ Hộ chiếu/Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thông tin về giao dịch		
			Tổng giá trị giao dịch (VND)	Loại tài sản giao dịch (liệt kê chi tiết)	Thời điểm thực hiện/Mức giá giao dịch (VND)
VIII	Quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán được quản lý bởi cùng công ty quản lý quỹ				
IX	Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ				

VIII. Thống kê giao dịch bất động sản của Quỹ đầu tư bất động sản/Công ty đầu tư chứng khoán bất động sản

STT	Thông tin về đối tác giao dịch của Quỹ/Công ty đầu tư (nêu chi tiết tên cá nhân, tổ chức)	Số Giấy CMND/ CCCD/Hộ chiếu/Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thông tin về giao dịch		
			Tổng giá trị giao dịch	Loại tài sản giao dịch (liệt kê chi tiết)	Thời điểm thực hiện/ Mức giá giao dịch
I	Các Giao dịch bất động sản có giá mua vượt quá 110% và giá bán thấp hơn 90% so với giá tham chiếu do doanh nghiệp thẩm định giá xác định trong thời gian 06 tháng tính tới thời điểm thực hiện giao dịch				
1	Nguyễn Văn A				
2	Công ty B				
..					

STT	Thông tin về đối tác giao dịch của Quỹ/Công ty đầu tư (nêu chi tiết tên cá nhân, tổ chức)	Số Giấy CMND/ CCCD/Hộ chiếu/Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thông tin về giao dịch		
			Tổng giá trị giao dịch	Loại tài sản giao dịch (liệt kê chi tiết)	Thời điểm thực hiện/ Mức giá giao dịch
II	Các giao dịch bất động sản có giá trị đạt trên 10% tổng giá trị tài sản của quỹ/công ty sau giao dịch; hoặc giá trị của riêng giao dịch đó cùng với các giao dịch đã thực hiện trước đó với cùng đối tác trong 12 tháng gần nhất đạt trên 10% tổng giá trị tài sản của quỹ/công ty sau giao dịch				
1	Nguyễn Văn C				
2	Công ty D				
.....					
III	Các giao dịch bất động sản khác cần sự thông qua của Đại hội đồng nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông, Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị Công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của Điều lệ Quỹ/Điều lệ Công ty				
1	Nguyễn Văn E				
2	Công ty F				
.....					
IV	Các giao dịch bất động sản với tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản				
V	Các giao dịch bất động sản với doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá đã từng tham gia định giá chính bất động sản đó				
IV	Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán				

B. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH TỰ DOANH ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA QUỸ ĐẦU TƯ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (nếu có)

- Chỉ thực hiện đối với báo cáo tháng

I. Tình hình thực hiện hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		USD	VND (quy đổi)
I	Hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận		
II	Giá trị đã đầu tư tính đến thời điểm cuối tháng		
III	Giá trị đã đầu tư trong tháng		
IV	Giá trị còn được đầu tư (IV = I - II)		

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

II. Báo cáo về tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo		Kỳ trước		%/cùng kỳ năm trước
		USD	VND	USD	VND	
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền					
1	Tiền					
	Tiền gửi ngân hàng					
	Các khoản tương đương tiền					
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)					
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận					
I.4	Lãi được nhận					
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)					
I.6	Các khoản phải thu khác					
I.7	Các tài sản khác					
I.8	Tổng tài sản					
STT	**Nợ**	**Kỳ báo cáo**		**Kỳ trước**		**% cùng kỳ năm trước**
		USD	**VND**	**USD**	**VND**	
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)					
II.2	Các khoản phải trả khác					
II.3	Tổng nợ					

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

III. Báo cáo kết quả hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo		Kỳ trước		Lũy kế từ đầu năm
		USD	VND	USD	VND	
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài					

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo		Kỳ trước		Lũy kế từ đầu năm
		USD	VND	USD	VND	
	Cổ tức, trái tức được nhận					
	Lãi được nhận					
	Các khoản thu nhập khác (kê chi tiết)					
II	Chi phí đầu tư gián tiếp ra nước ngoài					
	Phí lưu ký tại nước ngoài					
	Các loại phí khác (kê chi tiết)					
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (I - II)					
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài					
	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư					
	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ					

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

IV. Báo cáo danh mục tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo		Tổng giá trị		Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản ròng
			USD	VND	USD	VND	
I	Chứng chỉ tiền gửi						
1							
	Tổng						

STT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo		Tổng giá trị		Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản ròng
			USD	VND	USD	VND	
II	Trái phiếu Chính phủ						
1							
	Tổng						
III	Cổ phiếu niêm yết						
1							
	Tổng						
IV	Trái phiếu niêm yết						
1							
	Tổng						
V	Chứng chỉ quỹ niêm yết						
1							
	Tổng						
VI	Các loại tài sản khác						
1							
	Tổng						
VII	Tổng giá trị danh mục						

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

Ghi chú:

- Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, tổ chức lưu ký tại nước ngoài xác nhận báo cáo; Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán không đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, phần B ghi "không phát sinh".

- *Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm* của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bằng lợi nhuận trước thuế trong năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán chia cho giá trị tài sản ròng trung bình trong năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán.

- Tỷ lệ chi phí của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ/công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

- Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ/công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 365 \text{ x } 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó: *Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán* là tổng giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ/cổ phiếu trong năm; Tổng giá trị mua vào và tổng giá trị bán ra trong kỳ là tổng giá trị mua/bán cho hoạt động đầu tư của quỹ.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, NGÂN HÀNG LƯU KÝ, TỔ CHỨC LƯU KÝ TẠI NƯỚC NGOÀI	**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục XXVII

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Giám sát hoạt động quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán
(tháng, quý, năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng giám sát:.

Địa chỉ:

Giấy phép hoạt động số:..... do..... cấp ngày.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

I. Vi phạm của công ty quản lý quỹ

1. Vi phạm của công ty quản lý quỹ trong phạm vi giám sát của ngân hàng theo quy định tại Điều 90, Điều 91 Luật Chứng khoán, Điều.... Thông tư số..../2020/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

Công ty quản lý quỹ	Giấy phép thành lập và hoạt động số	Hình thức vi phạm	Số lượng quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bị ảnh hưởng

2. Công ty quản lý quỹ định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

2.1 Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại Thông tư số..../2020/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn về việc hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

Tên công ty quản lý quỹ	**Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán**	**Mức sai lệch**	**Thời gian quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bị định giá sai**	**Giá trị khoản đền bù**		**Tình trạng khắc phục (hoàn tất/chưa hoàn tất)**
				Đền bù cho quỹ/công ty đầu tư chứng khoán	**Đền bù cho nhà đầu tư**	

2.2 Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư

Tên công ty quản lý quỹ	**Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán**	**Mức sai lệch**	**Thời gian quỹ/ công ty đầu tư chứng khoán bị định giá sai**	**Tình trạng khắc phục (hoàn tất/ chưa hoàn tất)**

3. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 110 của Luật Chứng khoán, Điều 5, Điều 24, Điều 35 Thông tư số.../2020/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

Tên công ty:

Số lần vi phạm:

Số quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bị ảnh hưởng:

Số quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đang quản lý:

STT	Loại hình vi phạm	Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán	Biện pháp xử lý

4. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ

Tên công ty:

Số lần vi phạm:

Số quỹ bị ảnh hưởng:

Số quỹ đang quản lý:

TT	Loại hình vi phạm	Tên quỹ bị ảnh hưởng	Biện pháp xử lý

5. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát phát hiện (nếu có)

Công ty quản lý quỹ	Loại vi phạm	Số quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bị tác động bởi vi phạm	Biện pháp xử lý

II. Vi phạm của ngân hàng giám sát

1. Vi phạm quy định của Luật Chứng khoán

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều...		
Điều...		
....		

2. Vi phạm các quy định tại Thông tư số.../2020/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều		
Điều		
....		

3. Vi phạm các quy định trong Hợp đồng giám sát

Hợp đồng Giám sát số	Số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bị tác động bởi vi phạm

4. Báo cáo về các lỗi phát hiện trong khi đối soát chứng từ, tài sản giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát

Ngày phát hiện lỗi	Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán	Loại lỗi

5. Vi phạm giám sát khác (nếu có)

Tổng số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bị tác động bởi vi phạm

III. Đánh giá cụ thể về hoạt động quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán của công ty quản lý quỹ

1. Đánh giá hoạt động quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán.

2. Đánh giá hoạt động xác định giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán.

3. Đánh giá hoạt động chào bán, phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán.

4. Đánh giá hoạt động phân phối lợi tức.

5. Các hoạt động khác (nêu rõ hoạt động đánh giá).

IV. Kiến nghị (nếu có)

Chúng tôi cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật rằng những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XXVIII

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ/Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán/ công ty đầu tư chứng khoán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ/Bản cáo bạch của Quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán..... như sau:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ/ Bản cáo bạch mới	Khoản mục, điều của Điều lệ/Bản cáo bạch cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung

Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

Hồ sơ kèm theo:
- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Điều lệ/Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng